

Bản án số: 98/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 17/8/2026.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Khắc Chương;

2. Bà Đinh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Rung K' Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Diệu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2026/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1967

Địa chỉ: **thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**

2. Bị đơn: Ông **Đặng Xuân L**, sinh năm 1965

Địa chỉ: **thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng**

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cũng như tại phiên tòa bà **Trần Thị V** trình bày: Bà và ông **Đặng Xuân L** kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/1993 tại **thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là xã V, tỉnh Quảng Trị)**. Bà và ông **Lưu ban Đ** mới cưới nhau sinh sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi ba đứa con khôn lớn, thì đôi bên ngày càng không thể hòa hợp được nhau trong cuộc sống vợ chồng và luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bởi đôi bên luôn bất đồng quan điểm sống, qua đó luôn cãi và xúc phạm nhau từ những chuyện vặt không lúc nào yên ổn. Bà vì con cái cố chịu đựng

nhiều năm liền, nhưng cuộc sống hôn nhân luôn nặng nề căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay bà thấy cuộc sống hôn nhân với ông L quá bế tắc và bà không còn chút tình cảm gì với ông L. Nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Xuân L.

Về con chung: Bà Trần Thị V xác định có 03 con chung là chị Đặng Thị Hồng N, sinh năm 1994; chị Đặng Thị Như Q, sinh năm 1995; anh Đặng Thái S, sinh năm 2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V và ông Lưu K có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị V nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Xuân L trình bày: Ông và bà L có đăng ký kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là xã V, tỉnh Quảng Trị). Quá trình vợ chồng chung sống cũng có phát sinh mâu thuẫn cãi vã do hai bên bất đồng, nhiều năm trở lại đây vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm gì đến nhau. Nay bà V xin ly hôn thì ông Lưu K đồng ý vì không muốn làm con cái buồn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì ông L xác định nội dung bà V trình bày là đúng và không có yêu cầu gì đối với vấn đề này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V; Về con chung đã trưởng thành, có thu nhập nên không đề cập đến, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét đến. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn bà Trần Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vậy, đây là vụ án

“*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà **Trần Thị V** với bị đơn ông **Đặng Xuân L**. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **xã Đ, tỉnh Lâm Đồng** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **V** và ông **L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị** vào ngày 14/07/1993. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà **V** và ông **L** là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và không quan tâm, chăm sóc nhau khi ốm đau, bệnh tật. Bà **V** đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để tạo cơ hội cho ông **L** thay đổi, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn không được cải thiện. Tại buổi làm việc cũng như tại phiên tòa, cả bà **V** và ông **L** đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Dù ông **L** cho rằng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên không đồng ý ly hôn, nhưng kết quả xác minh tại địa phương cho thấy đời sống vợ chồng giữa hai người đã thực sự trầm trọng. Hiện nay, ông **L** và bà **V** đã sống ly thân, không còn chung sống và không còn quan tâm đến nhau; bà **V** xác định không còn tình cảm với ông **L**. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa bà **V** và ông **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà **V** là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận cho bà **V** được ly hôn với ông **L**.

[2.2]. Về con chung: Ông **L** và **V** có 03 (ba) con chung là chị **Đặng Thị Hồng N**, sinh năm 1994; chị **Đặng Thị Như Q**, sinh năm 1995; anh **Đặng Thái S**, sinh năm 2004. Hiện con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường. Ông **L**, bà **V** không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung: Bà **V** và ông **L** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà **V** và ông **L** đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về án phí: Buộc bà **Trần Thị V** phải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 205, 207, 220, 262, 264, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà **Trần Thị V**, xử cho bà **Trần Thị V** và ông **Đặng Xuân L** được ly hôn.

2. *Về án phí:* Buộc bà **Trần Thị V** phải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà **Trần Thị V** đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010721 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND KV2 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Kim Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Ngân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND KV2 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân